

Số: **920/2018/QĐST-HNGĐ**

T, ngày 30 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Số 189 T, phường T, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kiên H, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Số 189 T, phường T, quận T, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Kiên H.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Kiên H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Kiên H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh H (nay là huyện G, tỉnh B) cấp ngày 17/11/1990) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Bà N và ông H chung sống có 02 con chung là Nguyễn Kiên T, sinh năm 1992 và Nguyễn Kiên Hoàng H, sinh ngày 27/6/2001. Khi ly hôn, ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Kiên Hoàng H đến tuổi trưởng thành, bà N cấp dưỡng nuôi trẻ Hiệp 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ H trưởng thành. Con chung là Nguyễn Kiên T đã trưởng thành nên không đề cập.

+ Bà N có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành không thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà N và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N và ông H cùng có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản của ông H và bà N.

- *Về nợ chung*: Bà N và ông H xác nhận không có

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con số tiền là 150.000 đồng do bà Nguyễn Thị N chịu được cản trở vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nga đã nộp theo Biên lai thu số 0010563 ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng mà bà Nga đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010968 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T và hoàn lại cho ông Nguyễn Kiên H số tiền tạm ứng án phí 45.000.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011190 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận T ;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS quận T ;
- UBND xã L , huyện G, tỉnh B ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Mỹ